

GIA ĐÌNH THÀNH THÔNG CHÍ

Trịnh Hoài Đức

Quyển I: TINH DÃ CHÍ (Chép về các ngôi sao)

Trời gắn sao ở trên, đất cắm núi ở dưới, loài người được nuôi dưỡng phát triển tốt đẹp ở giữa; tam tài lưu thông, nên mọi vật được thành tựu.

Nước Việt ta, cơ đồ dựng ở Viêm Thiên ^{(2)[1]} như rồng uốn quanh Quế Hải ^{(3)[2]}, thánh thần kể truyền, dân ấm no, vật thịnh vượng. Vàng tốt có ở phủ Thăng Hoa, phủ Điện Bàn, kỳ nam sinh ở Khánh Hòa, Yên Quảng sản xuất ngọc trai, Thanh Hoa (Thanh Hóa) sản xuất nhục quế. Của quý trong đất đai, vật tốt nơi núi biển, của cải phong phú như vậy là do sự ngưng tụ khí thiêng của trời đất, hòa hợp gom góp mà sinh ra vậy.

Nay xét sách *Xuân thu*, chương *Nguyên mạng bao* ^{(4)[3]} nói: Sao Khiên Ngưu ^{(5)[4]} đóng ở địa phận Dương Châu, phân làm nước Việt. *Chu lễ số* [1b] nói về vị trí của Ngô, Việt và Dương Châu rằng: Nam Đẩu ^{(6)[5]} ở hạ lưu sông Ngân Hà, đóng vào khoản Hoài Hải ^{(7)[6]} là phần của nước Ngô; sao Khiên Ngưu xa sông Thiên Hà ^{(8)[7]}, từ Dự Chương ^{(9)[8]} đến Cối Kê ^{(10)[9]}, về phía nam vượt quá Ngũ Lĩnh (Lĩnh) phần của nước Việt. Lại nói thêm: Các châu ở Nam thuộc phía đông thượng nguồn sông Ngân Hà, thuộc sao Thuần Hỏa ^{(11)[10]} mà các sao Liễu, sao Tinh, sao Trương ^{(12)[11]} đều đóng ở trung châu, không phụ liền với đất miền biển, cho nên Nam Việt thuộc sao Thuần Vĩ ^{(13)[12]}.

Chương *Địa lý chí - Tiên Hán thư* ^{(14)[13]} chép rằng: Việt Nam ở vào phần sao Khiên Ngưu và sao Vụ Nữ ^{(15)[14]}. Theo sách *Tinh kinh* ^{(16)[15]} sao Khiên Ngưu có 6 ngôi thì ngôi thứ 1 và thứ 2 là chủ về Nam Việt, 2 sao ấy sáng tỏ thì vương đạo vượng tốt. *Hoài Nam tử* trong *Thiên Văn huấn Tinh bộ địa danh* nói: Nước Ngô, nước Việt thuộc sao Ngưu, sao Tu Nữ ^{(17)[16]}. Thâm Hoài Viễn ^{(18)[17]} trong *Nam Việt chí* ^{(19)[18]} nói: Đất Nam Việt thuộc phần sao Ngưu, sao Nữ, *Đường thư - Thiên văn chí* ^{(20)[19]} chép: Sao Nam Đẩu là phần nước Ngô, [2a] sao Khiên Ngưu là phần nước Việt. Sách *Sơn đường khảo sách* ^{(21)[20]} lại nói: sao Ngưu, sao Nữ, là phần nước Việt. Xét: Thuở đời Đường có người đi đến Quỳnh Hải ^{(22)[21]} vừa lúc tháng 8, thấy dưới sao Lão Nhân ở Nam Cực có vô số sao lớn mà thời xưa chưa đặt tên. Sách *Sử ký - Thiên quan thư* ^{(23)[22]} chép: Sao Hồ Thi ^{(24)[23]} hướng thẳng vào sao Thiên Lang ^{(25)[24]}. Dưới sao Thiên Lang gần đất có sao lớn, gọi tên là Nam Cực Lão Nhân. Sao Lão Nhân ^{(26)[25]} xuất hiện thì nước được yên, thường đến tiết thu phân thì trông thấy ở hướng Nam. *Tinh kinh* chép sao Hà Mậu có 6 ngôi giáp sao Đông Tinh ^{(27)[26]} ở hai hà Nam Bắc, mỗi hà có ba sao. Ba sao ở Nam Hà gọi là sao Nam Thú, sao ấy gần sao Lão Nhân, chủ về cửa ngõ nước Việt. Muốn xem sao xứ Việt Nam thì xem sao Nam Thú, và muốn xem sao Nam Thú thì xem sao Nam Đẩu. Xét 6 sao Nam Đẩu, trong có sao thứ 3 phía tây cách cực 119^o là chủ xứ Nam Việt. Vậy thì đất Gia Định gần giới hạn sao Ngưu, là sao thứ nhất ở phía nam của chùm sao Nam Thú, là sao thứ hai đóng ở sao Nam Cực Lão Nhân, gần bên phần sao Tinh [2b] mà không thuộc phần của sao Tinh. Như vậy, đất Gia Định tuy ở phía nam mà lại có thể tiến tới hướng Đông vậy. Vả lại sao Lão Nhân thường đến tiết thu phân trời trong tạnh thì

thấy xuất hiện ở vị trí Bính Đinh (phương Nam), gần nơi Nam Cực, cho nên gọi là sao Nam Cực Lão Nhân, không phải ở ngay nơi Nam Cực; cũng như sao Bắc Đẩu không phải ở ngay chỗ Bắc Cực. Qua khỏi khoảng đó, Nam Cực lên cao dần, Bắc Cực xuống thấp dần, những sao ngoài phạm vi cực ấy thì trong sách *Tinh kinh* phần nhiều không thấy chép. Ở đất Gia Định đến ngày Mang Hiện (Tua Rua Hiện) hàng năm người ta thường xem sao để gieo mạ. Ví như thấy sao Lê Vĩ (sao Chuôi Cây) xuất hiện thì mạ chết, thấy sao Trư Vĩ (Đuôi Heo) xuất hiện thì mạ vàng, 2 sao ấy đều ở dưới sao Lão Nhân mà từ xưa cũng chưa đặt tên là sao gì.

XEM KHÍ HẬU (Phụ)

Phương Nam thuộc quẻ Ly, Ly là tượng mặt trời, thuộc hỏa. Người Gia Định ở vùng gần biển, thường thấy trước mặt trời mới mọc, hình thể to lớn [3a] bởi vì biển Nam cách nơi mặt trời mọc không xa, cho nên trông thấy mặt trời lớn ^([28][27]). Và lại thấy trọn cả phần ngoài của mặt trời cho nên hình nó lớn. Vành ngoài có lớp ánh sáng, vành trong chiếu tia sáng, khi đầu mới mọc thấy phần ngoài trước mà chưa thấy phần chói sáng ở trong. Phần ngoài thuộc âm khí, chưa phải là dương khí, rồi lại bị khí núi rừng sông đầm bốc lên che lấp, nên thấy nó lớn mà lại mát mẻ.

Khí hậu Gia Định thường ẩm, cứ vào quý xuân (tháng 3) mới bắt đầu mưa, mùa hạ là mùa mưa chính, mùa thu thì mưa rào, mỗi khi mưa to chẳng khác nghiêng vò mà đổ, nhưng chỉ trong 1, 2 giờ rồi tạnh nắng. Cũng có đôi khi mưa dầm dề 1, 2 ngày, nhưng không có khi nào khổ vì mưa cả tuần cả tháng. Tuy 4 mùa đều có mưa nhưng chỉ tiết đông chí mới hơi lạnh. Khí hậu không thường nên 4 mùa hoa đều đua nở tỏa ngát hương thơm, khi trời mát trắng trong tức là Trung thu, không cần phải lấy tháng ngày mà xét đoán. *Tô Thức ký* ^([29][28]) có câu: *Tứ thời câu thị hạ, Nhất vũ tiện thành thu* (bốn mùa đều nóng như mùa hạ, một trận mưa trở thành mùa thu). Lại có câu: *Lãnh (Lĩnh) Nam vạn vật giai xuân sắc* [3b] (muôn vật ở Lãnh (Lĩnh) Nam đều có sắc xuân). Khí hậu Gia Định giống như thế.

Khí trời Nam Việt nóng mà đất lại ẩm thấp do âm hỏa hun đúc, khí biển tác động thành ra sấm, cho nên mỗi khi mưa thì đồng thời có sấm sét. Chát đất ở nơi bờ biển lại thưa mỏng, không đủ chứa hỏa khí cho bền chặt, nên lúc dương khí quá mạnh, gặp âm khí xông lên, chúng chạm nhau hóa ra đường lửa chớp, gặp những vật đứng cao như cột buồm hay cây cối ngăn trở, khí ác đó bèn bị ép mà nổ tung vào, vậy thì người hay vật bị sét đánh chết là bởi gặp rủi ro bất chợt thôi ^([30][29]), còn mùa đông mà có sấm sét là sự thường.

Gia Định ở về phương Ly ^([31][30]), âm ít mà dương nhiều, thường có nhiều gió nam. Vì mặt trời ở phương Nam mà gió cũng từ phương Nam đến, nên có nhiều gió nam thổi mạnh, nhưng không lo có gió bão, bởi gió bão là gió tập hợp đủ cả 4 phương lại [4a]. Gió khởi đầu ở phía đông bắc, tức từ phía bắc thổi qua tây, khởi đầu ở phía tây bắc, tức từ phía bắc thổi qua đông, nhưng đều đến phía nam thì ngừng. Và gió ở Gia Định lấy phía nam làm hướng chính, phàm gió bão ắt phải quay về phía nam rồi ngừng, cho nên Gia Định không có gió bão.

Gia Định núi chằm thông thoáng, lại nhiều gió thổi, không tụ được khí lam chướng, mà lại ở ngoài Ngũ Lĩnh (Lĩnh) ^([32][31]) nên không có băng tuyết. Và móc là khí thuần kim, phương Nam thì hỏa thịnh (thịnh) kim suy, đến tiết cuối thu khí trời vẫn còn nóng, khí kim không đọng thành giọt được nên ít có móc, ít móc nên không kết tụ thành sương, cho đến mùa đông thấy lá úa vàng rụng mới biết có sương rơi chút ít mà thôi.

Khí núi chằm khi mới bốc lên thành khói mù, lên giữa trời làm ra mây, cuối cùng làm ra mưa, mưa ấy do mây mà ra, mây từ trong núi bay ra thì gây u ám, từ biển bay vào thì gây mưa. Ở Gia Định thường

có nhiều mây đỏ, ấy là do Ly hỏa phát sanh, có mây [4b] từ trong đất liền bốc lên mù mịt đen tối tỏa rộng đến 1, 2 dặm, ẩn hiện như đầu rồng hoặc như đuôi rồng, đến khi gặp gió cuộn lại thì nước phun lên làm cho sông cạn đầm khô, nhà cửa cây cối bay tốc, khí mù đen xoáy tròn từ dưới đất xoáy lên rồi bỗng nhiên mưa lớn, tục gọi là rồng lấy nước nhưng hiện tượng ấy cũng ít thấy.

Nước là mạch máu của đất, tùy theo khí đưa đẩy mà làm ra ngọn triều, buổi sáng lên gọi là triều, buổi chiều xuống gọi là tịch, nhưng gọi chung là thủy triều. Triều cùng mặt trăng hưởng ứng với nhau, hoạt động của âm dương không sai với thời tiết, nên gọi triều tín. Ta thường thấy khi nước vừa lớn thì có gió; khi nước đứng thì gió lặng; sau ngày mùng một, ngày rằm 2 - 3 ngày nước bắt đầu lên, gió cũng thổi mạnh; sau các ngày thượng huyền (ngày 8 và ngày 9) và hạ huyền (ngày 22, 23) 2, 3 ngày nước rút dần xuống thì gió cũng dịu dần, bởi vì gió là mẹ của nước, nên mới nói nước sinh ra bởi gió là vậy. Thủy triều ở Gia Định có khác so với các nơi, mỗi tháng có 2, 3 ngày nước ươn (không có lớn, ròng) mùa đông thì tới 3, 4 ngày. Tháng 8 tháng 9 ^{(33)[32]} [5a] thủy triều lớn khác thường, tiết hạ chí lớn vào ban ngày, tiết đông chí lớn vào ban đêm; ngày 25, 26 nước bắt đầu lên, đến mùng một đã mạnh, qua mùng 3 lại mạnh hơn nữa, rồi sau dần dần nhỏ lại. Đến ngày 11, 12 thì nước lại lên, đến ngày rằm đã mạnh, qua ngày 18 ^{(34)[33]} mạnh hơn nữa, sau lại nhỏ dần. Ấy là do xem theo mặt trăng đầy vơi làm chừng. Tục thường lấy khi nước lớn làm thủy đầu, tục gọi đầu con nước cũng gọi nước rong, nước sát xuống làm thủy vĩ tục gọi cuối con nước, cũng gọi nước kém. Dân đánh cá thường xem buổi nước lớn nước ròng mà hành nghề đánh bắt, khi đầu con nước thì nhiều cá, khi cuối con nước thì ít cá. Khi giao thời giữa mùa hạ và mùa thu, con nước lớn buổi mai chưa xuống, mà con nước ròng buổi chiều đã nổi tiếp, thêm có gió đông nam kể tiếp đẩy mạnh nên nước biển dâng lên, ấy gọi là đập triều (tục gọi là nước ươn rong) ^{(35)[34]}. Ấy là do triều tịch biến chuyển mà nước không ứng kịp theo tiết nhịp vậy. Gia Định giáp bờ biển, dưới thềm biển có nhiều dòng nước chảy ngầm trong lòng biển, nên thủy triều dâng mạnh, mau tràn ngập bờ bến. Và lại, địa thế phía tây bắc rất cao [5b], phía đông nam lại rất thấp, cho nên khi nước rút lại chảy cuộn cuộn về phía đông, làm cho bãi sông khô cạn. Người ta đo được mực nước rút lui sâu xuống đến 13 thước ta ^{(36)[35]}.

Vùng các huyện, đạo ^{(37)[36]} nằm dọc theo bờ biển Gia Định, đất đai thường ẩm thấp, khí dương thường tiết ra, khí âm thấp thường ngưng tụ; khí dương tiết ra, nên thân người đoạn trên ửng trệ, sớ thịt thưa khô, nhiều mồ hôi ướt thấm lưng, mùa hạ ưa uống nước mát, đến mùa thu, mùa đông thường phát bệnh sốt rét, bởi vì hàn khí nhiễm vào tỳ, mà tỳ là thuộc thổ, chủ tín (đúng hện), cho nên cứ sốt rét thường phát vào khoảng thời gian nhất định trong ngày chẳng sai chạy. Gia Định là nơi chứa khí Khiên dương ^{(38)[37]}, tích tụ khí thấp nhiều, trong 1 năm gió mưa lạnh ẩm, ít khi theo đúng thời tiết, cho nên có nhiều luồng gió nghịch mùa, mà con người thì sớ thịt thưa hờ, dễ bị ngoại tà cảm mạo, bởi bệnh phát thường từ gió, rồi gió độc ấy nhiễm sâu vào trong, thành ra bệnh phong. Xem trong chữ phong có chữ *Phong* (gió) thì biết nguyên nhân của bệnh ấy ^{(39)[38]}.

Chú thích

^{(1)[1]} Có tài liệu nói ông sinh năm 1764.

^{(2)[1]} *Viêm Thiên* (炎天): Sách *Lã thị Xuân thu* ghi: Phương Nam gọi là Viêm Thiên. Chú: "Nam phương tháng năm kiến ngộ, là trung tâm của lửa. Lửa đứng đầu nóng bức, cho nên mới gọi là Viêm Thiên".

^{(3)[2]} *Quế Hải* (桂海): Biển Nam Hải có nhiều quế nên gọi là Quế Hải. Thơ "*Viên Thái úy thúc tùng giá*" của Giang Yêm: *Văn Chấn bạt Quế Hải, Thanh giáo chúc băng thiên*.

- (14)[3] *Nguyên mạng bao* (元命苞): Cũng viết 元命包 là một loại sách sấm kí coi về âm dương của Xuân thu. Sách này đã thất lạc.
- (15)[4] *Khiên Ngưu* (牽牛): Tên ngôi sao. Thời xưa lấy Khiên Ngưu làm biệt danh của Ngưu Tú, nay đều cho là tên riêng của Hà Cỗ. Ngưu Tú là một ngôi sao trong Nhị thập bát tú, là ngôi sao thứ hai của chùm sao Huyền Võ, có 6 sao, đều thuộc tòa Ma Yết.
- (16)[5] *Nam Đẩu* (南斗): Còn gọi là Đẩu Tú, là tên một ngôi sao. Sách *Tinh kinh* chép: "Năm ngôi Đẩu Tú ở về phía tây Nam của Hoạn tinh, chủ về cân đong, đo lường".
- (17)[6] *Hoài Hải*: (chưa tra cứu được).
- (18)[7] *Thiên Hà* (天河): Còn gọi là Ngân Hà, Tinh Hà, Minh Hà, Giáng Hà, Trường Hà, Thu Hà, Ngân Hoàng, Ngân Hán, Thiên Hán, Vân Hán, Hà Hán, Tinh Hán, Thiên Hàng, Thiên Tân, chỉ dãy ngôi sao tập hợp thành một chuỗi dài vô cùng, màu mây trắng rất dễ nhìn thấy.
- (19)[8] *Dự Chương* (豫章): Tên đất xưa, là vùng đất Hán Đông, Giang Bắc, tức tại Giang Bắc, Hoài Nam, Trung Quốc ngày nay.
- (10)[9] *Cối Kê* (會稽): Tên quận do nhà Tần thiết lập, nay ở phía đông Nam tỉnh Giang Tô và tỉnh Chiết Giang. Đời Tống đổi làm phủ Thiệu Hưng.
- (11)[10] *Thuần Hỏa* (鶉火): Tên sao, còn gọi là Tâm Tú, Liễu Tú, là một trong Nhị thập bát tú, là ngôi thứ năm trong bảy ngôi sao Thương Long, thuộc Yết Tòa. Tâm Tú còn được gọi là Thương tinh.
- (12)[11] *Liễu - Tinh - Trương* (柳 - 星 - 張): Đây là ba ngôi sao thuộc phương Nam trong Nhị thập bát tú. Sao Liễu tức sao Thuần Hỏa (xem chú thích chữ Thuần Hỏa bên trên). Sao Tinh là một ngôi sao trong Nhị thập bát tú, là ngôi thứ hai trong chòm sao bảy ngôi Chu Điều. Sao Tinh có bảy ngôi, 6 ngôi thuộc Trường Xà tòa, chỉ riêng sao Tinh là một tòa chiếu sáng lẻ loi. Sao Trương là sao Thuần Vĩ (xem chú thích sao Thuần Vĩ bên dưới).
- (13)[12] *Thuần Vĩ* (鶉尾): Tên sao còn gọi là Trương Tú, là một trong Nhị thập bát tú, là ngôi thứ năm trong chòm sao Chu Điều, có 6 ngôi tất cả, đều thuộc Trường Xà tòa.
- (14)[13] *Tiền Hán thư - Địa lý chí* (前漢書地理志): Tiền Hán tức thời kỳ đầu nhà Hán tính từ Hán Cao Tổ Lưu Bang sáng nghiệp cho đến Nhụ Tử Anh. Hậu Hán tính từ Hán Quang Vũ cho đến Hiến Đế. *Tiền Hán thư - Địa lý chí* có lẽ là sách địa lý trong Hán thư thời Tiền Hán.
- (15)[14] *Vụ Nữ* (務女): Tên ngôi sao, tức là Nữ Tú, Tu Nữ, là một trong Nhị thập bát tú, là ngôi sao thứ ba trong chòm sao Huyền Vũ bảy ngôi. Sách *Nhĩ nhĩ* chép: "Vụ Nữ tức sao Tu Nữ". Sách *Bát nhĩ* cũng viết: "Tu Nữ là sao Vụ Nữ".
- (16)[15] *Tinh kinh* (星經): Tên sách thiên văn xưa. *Tổng sử Nghệ văn chí* có "*Cam Thạch vu hàm thị Tinh kinh*" một quyển, "*Lưu Biểu Tinh kinh*" một quyển.
- (17)[16] *Tu Nữ* (須女): Tu Nữ tức sao Vụ Nữ bên trên.
- (18)[17] *Thẩm Hoài Viễn* (沈懷遠): (Tra chưa ra).
- (19)[18] *Nam Việt chí* (南越志): Có lẽ là sách viết về nước Nam Việt bên Trung Quốc. Xưa Hán Cao Tổ phong Triệu Đà làm Nam Việt vương. Sau khi Triệu Đà mất, đến đời Ai vương, Thái hậu họ Cù vốn người Hán muốn dâng nước cho nhà Hán bị Tể tướng Lữ Gia giết, tôn lập Kiến Đức làm vua (tức Thuật Dương vương). Sau Hán cử Lộ Bác Đức sang đánh bắt được Lữ Gia, Nam Việt diệt vong.

(120)[19]) *Đường thư, Thiên văn chí* (唐書天文志): Sách thiên văn trong bộ *Đường thư*. *Đường thư* chia ra *Tân Đường thư* và *Cựu Đường thư*. *Tân Đường thư* do Âu Dương Tu và Tống Kỳ đời Tống soạn gồm 225 quyển. *Cựu Đường thư* gồm 200 quyển do Lưu Hú đời Hậu Tấn phụng sắc soạn.

(121)[20]) *Sơn đường khảo sách* (山堂考索): Tên sách do Chương Dư Ngu đời Tống soạn, tiền tập 60 quyển, hậu tập 65 quyển, tục tập 56 quyển, biệt tập 25 quyển. Tiền tập chia ra làm 30 loại, hậu tập chia ra làm 7 loại, tục tập 15 loại, biệt tập 11 loại, đề mục đều khác nhau, nhưng đại để phần nọ bổ sung cho phần kia nên thể thức rất phức tạp, tuy nhiên dẫn cứ sâu sắc, khảo biện tinh tường, là một quyển sách tốt thời Nam Tống.

(122)[21]) *Quỳnh Hải* (瓊海): Còn gọi là Quỳnh Châu, Quỳnh Châu đảo, tức đảo Hải Nam ngày nay, ở phía nam huyện Quỳnh Sơn, tỉnh Sơn Đông.

(123)[22]) *Sử ký, Thiên quan thư* (史記 - 天官書): là sách *Thiên quan* trong bộ *Sử ký*, tức sách thiên văn thời xưa. Thiên quan là từ chỉ tinh quan trong môn thiên văn, bởi tinh tủa có thứ bậc cao thấp cũng giống như tôn ti trong quan chức triều đình, cho nên mới gọi là Thiên quan.

(124)[23]) *Hồ* (弧): tức sao Hồ Thỉ (弧矢). Theo sách thiên văn *Sử ký Thiên quan thư* thì ở dưới sao Thiên Lang có bốn ngôi sao gọi là Hồ hướng thẳng vào sao Thiên Lang (Chính nghĩa): Chín ngôi sao Hồ ở đông nam sao Lang, là cây cung của trời. Hồ Thỉ hướng thẳng về sao Lang. Sách *Tổng sử Thiên văn chí* cũng chép: "Chín ngôi sao Hồ Thỉ tại đông nam là sao Lang, là cây cung của bầu trời".

(125)[24]) *Lang* (狼): Tức sao Thiên Lang (天狼). Theo sách *Sử ký, Thiên quan thư*: "Phía đông có một ngôi sao lớn gọi là Thiên Lang". Sách *Tấn thư, Thiên văn chí*: "Sao Thiên Lang ở về phía đông nam của sao Đông Tinh". Lang là sao man dã, chủ xâm lược. Xét sao Thiên Lang thuộc tủa Đại Khuyển, sắc xanh trắng, sáng nhất trong nhóm các hành tinh.

(126)[25]) *Lão Nhân* (老人): Tức sao Nam Cực Lão Nhân (南極老人) Theo sách *Sử ký, Thiên quan thư* thì dưới sao Lang gần mặt đất có một ngôi sao lớn gọi là Nam Cực Lão Nhân. Tấn Chước chú "*Lang tử địa*" là chỗ sao Lang gần đất nhất". (Chính nghĩa: "Ngôi sao Lão Nhân ở tại phía nam của sao Hồ gọi là Nam Cực). Sách *Quan tượng ngoạn chiêm*: "Ngôi sao Lão Nhân ở phía nam Hồ Thỉ còn gọi là sao Nam Cực Lão Nhân, chủ thọ khảo, cho nên còn gọi là Thọ tinh". Xét sao Lão Nhân thuộc tủa Long Cốt, tên Tây là *Canopus*, màu xanh trắng lợt, cách phía nam Thiên Lang ước 36⁰, chỉ tháng hai mới xuất hiện chéch ở phụ cận Nam thiên địa bình, cho nên ít ai thấy được ngôi Thọ tinh này. 12.000 năm sau khi sao Chức Nữ ở cương vị Bắc Cực tinh thì sao Lão Nhân thành sao Nam Cực.

(127)[26]) *Đông Tinh* (東井): Tên sao, tức Tinh Tú, là một trong Nhị thập bát tú, cũng là ngôi sao đầu trong chòm sao Chu Điều 7 ngôi gồm tám vì sao thuộc tủa Song Tử.

(128)[27]) Đây là quan niệm thiên văn thời 200 năm trước.

(129)[28]) Tô Thức người Mi Sơn đời Tống, con Tô Tuân, anh Tô Triệt, tự Tử Chiêm, đỗ Tiến sĩ năm Gia Hựu, sung sử quán. Vì dâng sớ lên Thần Tông can việc thi hành tân pháp của Vương An Thạch nên bị đày đi Hàng Châu, Hồ Châu, Hoàng Châu, Huệ Châu, Quỳnh Châu. Lúc ở Hoàng Châu, xây nhà trên núi phía đông (Đông Pha) nên xưng là "Đông Pha cư sĩ". Đến đời Triệt Tông gọi về làm quan trải nhiều chức, đến Đoan Minh điện Thị độc học sĩ, khi mất được thụy là Văn Trung.

(130)[29]) Đây là cách lý giải gần với khoa học của Trịnh Hoài Đức. Thuở đó dân gian cho rằng người bị sét đánh là do ăn ở ác đức bị trời phạt.

(131)[30]) *Ly phương* (離方): Quê Ly thuộc phương Nam, vậy Ly phương là phương Nam. Quê này (Ly thượng, Ly hạ) thuộc tượng hỏa, nhật điện, trung nữ.

(132)[31]) *Ngũ Lĩnh* (嶺) (五嶺): Chữ Lĩnh, *Tiền Hán thư* và *Hậu Hán thư* đều viết là 嶺. *Hán thư, Trương Nhĩ truyện*: Nam hữu Ngũ Lĩnh chi thú. Phục Kiên chú: "Sơn Lĩnh có năm ngọn, cho nên gọi là Ngũ Lĩnh. Địa giới xứ

Giao Chỉ và Hợp Phố có các ngọn núi đó". Xét lời chú giải của Sư Cổ: "Lời giải thích của Phục Kiên là nhầm. Lĩnh là phía tây, là Nam Hoàng Sơn, Đông cùng ở biển, là giới hạn của một ngọn núi, nhưng gọi tiêu chí chung là Ngũ Lĩnh". Sách *Quảng Châu ký* của Bùi Thị thì Ngũ Lĩnh là "Đại Dữu, Thỉ An, Lâm Hạ, Quế Dương, Yết Dương (tức Đô Bàn)". Còn *Nam Khang ký* của Đặng Đức Minh thì cho Ngũ Lĩnh là: Đại Dữu Lĩnh, Quế Dương Kỳ Điền Lĩnh, Cửu Chân Đô Bàn Lĩnh, Lâm Hạ Mạnh Chữ Lĩnh, Thỉ An Thành Việt Lĩnh. Còn theo sách *Độc sử Phương Dự kỹ yếu* thì Ngũ Lĩnh là 5 con đường nhập lĩnh: Một là đường từ Phước Kiến vào Quảng Đông Tuần Mai, hai là đường từ Nam An Giang Tây vào Nam Hùng Quảng Đông, ba là đường từ Hồ Nam vào Liên huyện Quảng Đông, bốn là từ Đạo Châu Hồ Nam vào Quảng Tây, năm là từ Toàn Châu Hồ Nam vào Tịnh Giang Quảng Tây.

(133)[32] Người làm nghề hạ bạc rất chú trọng tới con nước. Trong thực tế, tháng 10 âm lịch là cường triều to nhất.

(134)[33] Cũng theo thực tế, ngày 17 âm lịch nước rong cao nhất vì có câu tục ngữ *Nước mười bảy nhảy bờ*.

(135)[34] Nước ươn rong là do nước lớn chưa dứt thì tới cỡ nước ròng, nước ròng chưa kịp rút thì gió đập nước biển vào nên nước ròng phải dừng lại, do đó nước cứ linh bình một thời gian không ròng rồi lớn lại.

(136)[35] Theo *Histoire du Viet Nam* của Lê Thành Khôi, 1 thước ta bằng 0,425 m. Năm 1900, triều đình Huế định lại một thước ta bằng 0,4 m. Còn một thước Trung Quốc bằng 0,325 m.

(137)[36] Huyện, đạo tức quận và hạt đạo. Nhiều huyện thành một đạo, nhiều đạo thành một trấn. Nếu hiểu đạo là "đạo binh" là nhầm, tỉ như "Long Xuyên đạo" là hạt đạo Long Xuyên (Cà Mau) thuộc trấn Hà Tiên, chứ không phải "Đạo binh tỉnh Long Xuyên".

(138)[37] *Khiên dương* (愆陽): là ánh dương quang nhiều quá. Sách *Tả truyện, Đông vô Khiên dương* chú: *Khiên* (愆) nghĩa là "nhiều quá". *Dương* (陽) nghĩa là "ánh nắng mặt trời".

(139)[38] Suy chữ *phong* (瘋) vừa có nghĩa là bệnh phong điên vừa bệnh phong hủi, nhưng trong ngữ cảnh này có lẽ nghĩa "phong hủi" thích hợp hơn, vì đoạn văn đang tả bệnh từ *da*. Nhưng cũng có thể hiểu là bệnh phong thấp, phong hàn cũng được vì không có chi tiết nào xác định tác giả muốn nói về bệnh phong nào!

Nguồn: <http://www.vanhoahoc.edu.vn>